TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HS-PT
Ngày 26 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Trần Công Đoàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Dung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2025/TLPT-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L và Hoàng Thị T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 1979 tại Hà Nam; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1 và bà Đặng Thị N; có chồng là Lê Quang T1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", có mặt.

2. Hoàng Thị T, sinh năm 1990 tại Nam Định; nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L2 và bà Nguyễn Thị M; có chồng là Vũ Đình T2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T:

Ông Đặng Ngọc T3 và bà Đỗ Thị Hải Q - Luật sư Công ty L4 - Chi nhánh tại Hà Nam, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị Diệu L nhờ bị cáo Hoàng Thị T đứng ra thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ (viết tắt là công ty Đ) và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngày 02/3/2022, Công ty Đ được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên lần đầu và người đại diện theo pháp luật của Công ty là Hoàng Thị T. Ngày 20/7/2022, Công ty Đ được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H cấp Đăng ký doanh nghiệp C lần thứ nhất, người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thị Diệu L. Cả hai lần đăng ký doanh nghiệp, công ty Đ đều có mã số doanh nghiệp G, với vốn điều lệ là 03 tỷ đồng, đăng ký địa chỉ tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. Công ty Đ sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực may mặc. Sau khi T không còn là người đại diện theo pháp luật của công ty Đ thì vẫn được L thuê làm kế toán với tiền công 02 triệu đồng/tháng; đến tháng 4/2023 T không làm kế toán cho công ty Đ nữa.

Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thời điểm Quý II, IV năm 2022 và Q1 I năm 2023, công ty Đ có nhận nguyên vật liệu dùng cho việc gia công gấu bông từ công ty T6, công ty J và Phố C. Sau đó, L đã thuê người gia công mặt hàng trên nhưng không xuất được hoá đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) nên L đã nhờ T liên hệ mua hoá đơn GTGT để hợp thức hoá sản phẩm làm ra, T đồng ý. Thông qua Vũ Thị T4, sinh năm 1987, trú tại phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định, T đã liên hệ với Vũ Thị D, sinh năm 1986, trú tại số E, đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định để mua hoá đơn GTGT.

Vũ Thị D là kế toán 2 công ty, gồm: Công ty TNHH Đ1 (viết tắt là công ty Đ1), mã số thuế 0600345077, địa chỉ tại đội A, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định và Công ty TNHH X (viết tắt là công ty X), mã số thuế là 0601142697, địa chỉ tại xóm F, xã T (nay là xã T), huyện V, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, trên thực tế công ty X và công ty Đ1 đều do Vũ Thị D quản lý, điều hành và không có hoạt động sản xuất kinh doanh gì. Vũ Thị D thuê Phạm Văn Q2, sinh năm 1977, trú tại tổ A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định làm giám đốc công ty Đ1 và Nguyễn Ngọc Q3, sinh năm 1990, trú tại xóm G, xã T (nay là xã T) huyện V, tỉnh Nam Định làm giám đốc công ty X. D đã làm dấu chữ ký giám đốc, dấu chức danh, dấu công ty để phục vụ cho việc mua bán hoá đơn.

Sau khi thống nhất với T, Vũ Thị D đã bán 02 hoá đơn GTGT của công ty Đ1 (Hoá đơn số 43, 44 đều ký hiệu 1C22TYY, đề ngày 28/06/2022, tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 1.738.770.619 đồng) và 04 hoá đơn GTGT của công ty X (Hoá đơn số 5, số F, ký hiệu 1C22TQV, đề ngày 30/12/2022; hoá đơn GTGT số 36, số C, ký hiệu 1C23TQV đề ngày 31/03/2023; tổng giá trị hàng hoá trước

thuế là 4.346.198.239 đồng) cho công ty Đ với giá 4,5% tổng giá trị hàng hoá trước thuế.

Để che giấu việc mua bán 06 hoá đơn trên, T và L với vai trò là Giám đốc, người đại diện công ty Đ đã lập và ký khống vào các hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng thuê vận tải, bảng kê chi tiết dịch vụ may, bảng kê chi tiết cước vận chuyển giữa công ty Đ và công ty Đ1, công ty X, phần chữ ký của Giám đốc đại diện công ty Đ1 và công ty X thì Vũ Thị D dùng các dấu có sẵn do D quản lý tự đóng vào các hợp đồng, tài liệu.

Để hợp pháp hóa dòng tiền, vào các ngày 11/8/2022, ngày 14/9/2022, ngày 08/3/2023, ngày 10, 11/4/2023, Vũ Thị D dùng số tài khoản mang tên Vũ Thị T4 (số A mở tại ngân hàng TMCP C1) chuyển tiền đến tài khoản của công ty Đ (số B mở tại ngân hàng N1). Ngay sau mỗi lần đó, L dùng tài khoản công ty Đ chuyển lại số tiền này vào tài khoản công ty X (số tài khoản 116002930943 mở tại ngân hàng TMCP C1) và Công ty Đ1 (số tài khoản 111002905179 mở tại ngân hàng TMCP C1) để thanh toán số tiền ghi trên các hóa đơn GTGT khống.

Đối với số tiền thực tế bỏ ra để mua 06 hoá đơn trên, L đưa T (chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt) để T trả tiền mặt hoặc dùng số tài khoản cá nhân (số 48010000349960 mở tại ngân hàng TMCP Đ2) chuyển trả Vũ Thị D qua tài khoản của Vũ Thị T4 (số A mở tại ngân hàng TMCP C1); T chuyển nhiều lần với nội dung giao dịch ghi "Cty Thịnh Toàn chuyển khoản" hoặc "Cty T5 toàn trả tiền nhân công, vận chuyển".

Sau mỗi lần mua được hoá đơn GTGT trên, L đã chỉ đạo T kê khai trong sổ kế toán, báo cáo tài chính với cơ quan thuế và hạch toán hàng hoá, dịch vụ đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp của công ty Đ vào kỳ kê khai Quý II, IV/2022 và Quý I để trốn thuế.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã đề nghị các Ngân hàng sao kê cung cấp biến động số dư trong các số tài khoản có liên quan để xác định rõ lịch sử giao dịch, nguồn tiền, dòng tiền giao dịch, thể hiện:

+ Ngày 11/8/2022 và ngày 14/9/2022: Vũ Thị T4 chuyển tiền vào tài khoản công ty Đ, sau đó công ty Đ chuyển số tiền này vào tài khoản công ty Đ1 2 lần, số tiền 1,2 tỷ đồng và hơn 677 triệu đồng.

+ Ngày 08/3/2023: Vũ Thị T4 chuyển tiền vào tài khoản công ty Đ (chuyển 2 lần, số tiền 2 tỷ và 452.430.000 đồng); sau đó công ty Đ chuyển 2 tỷ đồng vào tài khoản công ty X và chuyển 452.430.000 đồng vào tài khoản Vũ Thị T4.

+ Ngày 10, 11/4/2023: Vũ Thị T4 chuyển tiền vào tài khoản công ty Đ (chuyển 6 lần, tổng số tiền 2 tỷ 283 triệu đồng); công ty Đ chuyển tiền vào tài khoản công ty X (chuyển 05 lần, tổng số tiền 2 tỷ 283 triệu đồng).

Cơ quan CSĐT - Công an huyện B đã thu giữ các vật chứng, tài liệu liên quan gồm: 06 hóa đơn GTGT các số 5, 6, 36, 37, 43, 44 và các hợp đồng, tài liệu hợp thức hóa hợp đồng; tờ khai thuế giá trị gia tăng, tờ khai quyết toán thuế

thu nhập cá nhân, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, báo cáo tài chính trong các năm 2022, năm 2023 của công ty Đ.

Ngày 12/11/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trưng cầu Cục Thuế tỉnh H giám định hành vi sử dụng các hoá đơn GTGT không hợp pháp để hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp của Công ty Đ trong năm tài chính 2022, 2023 có phải là hành vi trốn thuế hay không, trốn loại thuế gì, tổng số tiền trốn thuế là bao nhiêu. Ngày 12/12/2024, Tổ giám định theo QĐ số 1366/QĐ-CTHNA của Cục Thuế tỉnh H kết luận: Tổng số tiền thuế trốn bao gồm thuế giá trị gia tăng (viết tắt là thuế GTGT) năm 2022, 2023 và số thuế thu nhập doanh nghiệp (viết tắt là thuế TNDN) năm 2022, 2023 được xác định là 1.254.818.100 đồng. Trong đó, tiền thuế GTGT Quý IV/2022 là 181.661.484 đồng; tiền thuế GTGT Quý I/2023 là 207.542.968 đồng; tiền thuế TNDN năm 2022 là 450.527.713 đồng, tiền thuế TNDN năm 2023 là 415.085.935 đồng.

Ngày 31/12/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trưng cầu Cục Thuế tỉnh H giám định bổ sung đối với hành vi sử dụng 02 (hai) hoá đơn GTGT không hợp pháp (hai hoá đơn mua của Công ty Đ1) để hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp của Công ty Đ trong năm tài chính 2022 có phải là hành vi trốn thuế hay không, trốn loại thuế gì, tổng số tiền trốn thuế là bao nhiêu.

Ngày 13/01/2025 tổ Giám định theo QĐ số 07/KL-CTHNA của Cục Thuế tỉnh H kết luận: Tổng số tiền thuế GTGT và thuế TNDN mà Công ty TNHH Đ kê khai do sử dụng 02 (hai) hoá đơn không hợp pháp làm giảm số thuế phải nộp trong năm 2022 là 486.855.774 đồng (*Bốn trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng*). Trong đó, giảm thuế GTGT phải nộp quý II/2022 là 139.101.650 đồng; giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2022 là 347.754.124 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành thu thập chữ ký, chữ viết của giám đốc Công ty TNHH X phục vụ cho việc giám định xác định Nguyễn Ngọc Q3 có phải là người đã trực tiếp ký kết các Hợp đồng, ký trong bảng kê chi tiết giữa Công ty X và Công ty Đ. Tại Kết luận giám định số 884/KL-KTHS ngày 13/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận:

"1. Người có mẫu chữ ký đứng tên Nguyễn Ngọc Q3 trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 và M3 không ký ra chữ ký đứng tên Giám đốc - Nguyễn Ngọc Q3 dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B", "XÁC NHẬN BÊN B", "CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG QUANG VINH" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A4, A6. Chữ ký đứng tên Giám đốc - Nguyễn Ngọc Q3 dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B", "XÁC NHẬN BÊN B", "CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG QUANG VINH" trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4, A6 là hình dấu chữ ký.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Giám đốc - Nguyễn Ngọc Q3 dưới mục "CÔNG TY TNHH X" trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 so với chữ

ký của Nguyễn Ngọc Q3 trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 có phải do cùng một người ký ra không".

Toàn bộ số tiền trốn thuế Nguyễn Thị Diệu L chiếm hưởng; L đã nộp 620.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục để khắc phục hậu quả, trong đó có 150.000.000 đồng của Hoàng Thị T tự nguyện góp cho L để khắc phục hậu quả.

Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T phạm tội "Trốn thuế"; Áp dụng khoản 3 và khoản 4 Điều 200; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Điều 38; các khoản 2, 3 Điều 35; Điều 41 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Diệu L và bị cáo Hoàng Thị T; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Diệu L; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Diệu L 03 (ba) năm tù; bị cáo Hoàng Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù đều tính từ ngày bắt thi hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16/4/2025, các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T có đơn kháng cáo, đều có nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên toà, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 110/2024/HS-ST ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng khoản 3 và khoản 4 Điều 200; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 41; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diệu L 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 26/6/2025).

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 26/6/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Diệu L cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam giáo dục; Công an thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hoàng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định giáo dục; Công an xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định giám sát trong thời gian thử thách.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị Diệu L đã nộp 900.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả và 5.200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền phạt bổ sung. Ghi nhận bị cáo Hoàng Thị T đã nộp 2.200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung.

Quan điểm của người bào chữa: Nhất trí về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự vì đây là vụ án truy xét, khi bị phát hiện các bị cáo đã tích cực phối hợp với cơ quan điều tra để vụ án được giải quyết nhanh chóng. Đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* đối với các bị cáo vì các bị cáo đã phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền trốn thuế ở khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự và số tiền trốn thuế mỗi lần đều dưới 1 tỷ đồng. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T nhất trí với quan điểm của người bào chữa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L và Hoàng Thị T trong thời hạn luật định, nội dung đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong bản án sơ thẩm. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Thị Diệu L làm chủ Công ty TNHH Đ (thành lập ngày 02/3/2022 và dừng hoạt động tháng 5/2024). Khi thành lập công ty, L nhờ T đứng tên là người đại diện theo pháp luật của công ty (từ ngày 02/3/2022 đến ngày 19/7/2022), sau đó L là người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi công ty dừng hoạt động. Với mục đích sử dụng hoá đơn GTGT bất hợp pháp đưa vào kê khai, quyết toán thuế để được giảm số tiền thuế phải nộp, trong thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 4/2023, L đã nhờ T mua hóa đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hóa, dịch vụ. T đồng ý và đã liên hệ mua được từ Vũ Thị

D 06 hoá đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hóa, dịch vụ, trong đó 02 hóa đơn GTGTsố 43, 44 đều ký hiệu 1C22TYY đề ngày 28/06/2022 của công ty Đ1 có tổng giá trị thanh toán là 1.877.872.269 đồng (tiền hàng 1.738.770.619 đồng + thuế GTGT 139.101.650 đồng) và 02 hoá đơn số 5, 6 đều ký hiệu 1C22TQV đề ngày 30/12/2022; 02 hoá đơn số 36, 37 đều ký hiệu 1C23TQV đề ngày 31/3/2023 của công ty X có tổng giá trị thanh toán là 4.723.946.692 đồng (tiền hàng 4.346.198.239 đồng + thuế GTGT 377.748.453 đồng). Sau mỗi lần mua được các hoá đơn trên, L đã chỉ đạoThủy đưa vào kê khai thuế 3 kỳ báo cáo thuế (Q, IV/2022 và Quý I) để hạch toán hàng hoá, dịch vụ đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế của công ty Đ, được cơ quan thuế tính tăng tiền thuế GTGT được khấu trừ, giảm tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, tổng cộng là 1.741.673.874 đồng, cụ thể: Số tiền trốn thuế khi kê khai 02 hoá đơn số 43, 44 đều ký hiệu 1C22TYY đề ngày 28/06/2022 vào kỳ kê khai tính thuế Quý II/2022 là 486.855.774 đồng (tiền thuế GTGT là 139.101.650 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 347.754.124 đồng); số tiền trốn thuế khi kê khai 02 hoá đơn số 5, 6 đều ký hiệu 1C22TQV đề ngày 30/12/2022 vào kỳ kê khai tính thuế Q1 IV/2022 là: 632.189.197 đồng (tiền thuế GTGT là 181.661.484 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 450.527.713 đồng); số tiền trốn thuế khi kê khai 02 hoá đơn số 36, 37 đều ký hiệu 1C23TQV đề ngày 31/3/2023 vào kỳ kê khai tính thuế Quý I/2023 là: 622.628.903 đồng (tiền thuế GTGT là 207.542.968 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp là 415.085.935 đồng). Toàn bộ số tiền trốn thuế Nguyễn Thị Diệu L chiếm hưởng.

Như vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T phạm tội "Trốn thuế" theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về kháng cáo của các bị cáo.

[3.1] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt:

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo L xuất trình biên lai bị cáo tiếp tục nộp 280.000.000 đồng để khắc phục hậu quả và 5.200.000 đồng tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhân; có bố chồng là ông Lê Quang L3 được Chủ tịch nước cộng hoà dân chủ nhân dân Lào tặng Huân chương chiến thắng hạng nhất. Bị cáo T xuất trình biên lai bị cáo đã nộp 2.200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận; có bác ruột và bác chồng là liệt sỹ, bố chồng được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới các bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về đề nghị của người bào chữa áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" theo quy định tại điểm

t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Xét thấy, đây là vụ án mở rộng điều tra từ vụ án mua bán trái phép hóa đơn mà Công an tỉnh N khởi tố, điều tra; trước khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Cơ quan điều tra huyện B đã có chứng cứ để khởi tố các bị can. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo là phù hợp.

Các bị cáo sử dụng hóa đơn GTGT bất hợp pháp đưa vào kê khai, quyết toán thuế ở các kỳ kê khai thuế, năm tài chính khác nhau và số tiền trốn thuế của mỗi kỳ kê khai đều cấu thành tội trốn thuế. Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội từ 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không được chấp nhận.

[3.2] Về kháng cáo xin hưởng án treo:

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có tình tiết giảm nhẹ mới, các bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra và các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Ghi nhận:

Bị cáo Nguyễn Thị Diệu L đã tiếp tục nộp 280.000.000 đồng tiền trốn thuế tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Bị cáo Nguyễn Thị Diệu L đã nộp 5.200.000 đồng, bị cáo Hoàng Thị T đã nộp 2.200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L và Hoàng Thị T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng khoản 3 và khoản 4 Điều 200; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; các khoản 2, 3 Điều 35; Điều 41; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T phạm tội "Trốn thuế".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diệu L 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 26/6/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Diệu L cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam giáo dục; Công an thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 26/6/2025).

Giao bị cáo Hoàng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định giáo dục; Công an xã T, huyện Ý, tỉnh Nam Định giám sát trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Ghi nhận:

Bị cáo Nguyễn Thị Diệu L đã tiếp tục nộp 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) tiền trốn thuế, theo các Biên lai số 002611 ngày 17/6/2025 và Biên lai số 0002613 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Như vậy, tổng số tiền trốn thuế mà bị cáo L đã nộp tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Đối trừ, bị cáo L còn phải nộp tiếp số tiền trốn thuế là 841.673.874 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Diệu L đã nộp 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo Biên lai số 0002598 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Bị cáo Hoàng Thị T đã nộp 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo Biên lai số 0002597 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L, Hoàng Thị T không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hải

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh;
- TAND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện Bình Lục;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.